

-----*-----
Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/01/2023
V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Cường.

2. Bà Lê Thị Ngọc Thúy.

- *Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.*

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 366/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Thị Cẩm H, sinh năm 197* (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B2, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Cà N, sinh năm 197* (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B2, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Võ Thị Cẩm H trình bày:* Chị và anh N tiến đến hôn nhân năm 1997 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc do anh N thường hay uống rượu kiếm chuyện chửi chị và con, nhiều lần đánh chị, đập phá đồ đạc trong nhà và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Do con còn nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng. Trong thời gian chung sống anh N cũng không thay đổi tính tình, nay các con chị đã trưởng thành và vợ chồng đã ly thân từ khoảng hơn 01 năm nay, nhưng anh N vẫn tìm chị để đánh. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Cà N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do. Do

đó, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 203, ngày 01/10/2002 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 21/11/2022, chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh N và chị H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh N do thường hay uống rượu kiếm chuyện chửi chị và con, nhiều lần đánh chị, đập phá đồ đạc trong nhà và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm nay, không trao đổi hàn gắn tình cảm. Hiện nay, chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh N. Hơn nữa, từ khi chị H xin ly hôn, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N không đến Tòa để trình bày ý kiến, chứng tỏ anh N muốn bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình, không còn thiết tha hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, tài sản chung: Không yêu cầu; Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân:
 - + Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Cẩm H.
 - + Chị Võ Thị Cẩm H được ly hôn với anh Nguyễn Cà N.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0028113 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Như vậy, chị H đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhân:*

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An